

HỘI ĐỒNG
Y KHOA QUỐC GIA

Số: 48/QĐ-HĐYKQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hình thức câu hỏi kiểm tra; miễn (lĩnh vực) năng lực;
danh mục các vấn đề chuyên môn thiết yếu; cấu trúc và ma trận
đề kiểm tra (Test blueprint) cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG Y KHOA QUỐC GIA

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y
khoa Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3450/QĐ-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ Răng
– Hàm – Mặt”.

Theo đề nghị của Trưởng Ban Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực
hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Tờ trình số 115/TTr-XD-HĐYKQG ngày 17
tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này hình thức câu hỏi kiểm tra;
miễn (lĩnh vực) năng lực; danh mục các vấn đề chuyên môn thiết yếu; cấu trúc và
ma trận đề kiểm tra (Test blueprint) cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt.

Điều 2. Các trọng số của Cấu trúc và ma trận đề kiểm tra (Test Blueprint)
có thể được điều chỉnh theo từng Kỳ kiểm tra trên cơ sở yêu cầu thực tiễn và do
Hội đồng Y khoa Quốc gia quyết định.

Điều 3. Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung, kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông/Bà: Phó Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia, Chánh Văn phòng Hội đồng Y khoa Quốc gia, Trưởng ban Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- GS.TS Trần Văn Thuấn, Thứ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Hội đồng (để báo cáo);
- Các đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Các Ban chuyên môn thuộc Hội đồng, các Tiểu ban thuộc các Ban chuyên môn;
- Các cơ sở đào tạo khối ngành Khoa học sức khỏe;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngô Quang

**HỘI ĐỒNG
Y KHOA QUỐC GIA**



PHỤ LỤC

**Hình thức câu hỏi kiểm tra; miền (lĩnh vực) năng lực;
danh mục các vấn đề chuyên môn thiết yếu; cấu trúc và ma trận đề kiểm tra
(Test Blueprint) cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt
(Ban hành kèm Quyết định số **48**/QĐ-HĐYKQG ngày **20** tháng **8** năm 2026
của Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia)**

1. Hình thức câu hỏi kiểm tra: câu hỏi trắc nghiệm khách quan, loại câu hỏi nhiều lựa chọn (Multiple Choice Questions – MCQs).

2. Miền (lĩnh vực) năng lực cho đối tượng Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt: 6 miền (lĩnh vực) năng lực (Bao gồm: 1. Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp; 2. Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp; 3. Kiến thức; 4. Kỹ năng lâm sàng (Chẩn đoán và xử trí); 5. Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe; 6. Quản lý thực hành răng hàm mặt).

3. Danh mục 36 vấn đề chuyên môn thiết yếu chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng - Hàm - Mặt:

STT	Các vấn đề chuyên môn thiết yếu	
1.	Đau vùng miệng - mặt	Đau do răng và mô nâng đỡ răng
2.		Đau do các cấu trúc lân cận (xoang hàm, tuyến nước bọt, bao gồm đau sau thủ thuật/phẫu thuật)
3.		Đau mạn tính do cơ/thần kinh/mạch máu/tâm thần
4.		Đau khớp thái dương hàm
5.	Nhiễm trùng vùng miệng-mặt	Nhiễm trùng trong miệng (răng, nha chu, niêm mạc miệng, xương hàm)
6.		Nhiễm trùng ngoài mặt (xương hàm, phần mềm vùng mặt, tuyến nước bọt)
7.	Tình trạng bất thường và bệnh lý của răng	Sâu răng và biến chứng (bệnh lý tuỷ, bệnh lý quanh chóp)
8.		Tổn thương của răng không do sâu răng (nứt, mẻ, mòn răng, đổi màu; thiếu sản men ngà)
9.	Tình trạng bất thường và bệnh lý của mô nâng đỡ răng	Bệnh nha chu (viêm lợi/nướu, viêm nha chu, và các biểu hiện bệnh lý khác của mô nha chu)
10.		Tình trạng bất thường mô nha chu
11.	Tình trạng bất thường và bệnh lý	Tổn thương niêm mạc miệng (lành tính, có tiềm năng ác tính và ác tính)



[Handwritten signature]

STT	Các vấn đề chuyên môn thiết yếu	
12.	của niêm mạc miệng	Bất thường niêm mạc miệng do di truyền, bẩm sinh và tăng trưởng (bất thường phan/thắng và các bất thường niêm mạc miệng khác)
13.	Chấn thương răng	Chấn thương răng
14.	và hàm mặt	Chấn thương hàm mặt
15.	Nang, u vùng	Nang vùng miệng và hàm mặt (nang do răng và không do răng)
16.	miệng và hàm mặt	U vùng miệng và hàm mặt (u do răng, u xương, u phần mềm lành tính hoặc ác tính)
17.	Bất thường mọc	Bất thường mọc răng (răng ngầm, răng mọc kẹt và biến chứng, răng mọc chậm, răng mọc sai vị trí)
18.	răng và phát triển	Bất thường phát triển răng (số lượng, hình thái, cấu trúc)
19.	răng hàm mặt	Bất thường phát triển hàm mặt và khe hở môi vòm miệng
20.		Lệch lạc khớp cắn
21.	Mất răng và phục	Mất răng (kèm bảo tồn xương ổ, giữ khoảng mất răng)
22.	hồi răng	Phục hồi răng mất (cố định, tháo lắp)
23.		Nhổ răng (răng sữa, răng vĩnh viễn)
24.	Than phiền về chức năng và vấn đề khác	Hôi miệng, khô miệng và giới hạn vận động hàm (khít hàm)
25.		Hành vi ảnh hưởng đến chăm sóc răng miệng
26.	Hành vi và thói	Vệ sinh răng miệng
27.	quen ảnh hưởng	Thói quen xấu (mút tay, đẩy lưỡi, thở miệng, cắn môi) ảnh hưởng răng miệng
28.	sức khỏe răng miệng	Dự phòng bệnh răng miệng (giáo dục sức khỏe răng miệng; dự phòng bệnh lý răng miệng cho cá nhân và cộng đồng)
29.	Sức khỏe răng miệng và bệnh	Chăm sóc răng miệng cho nhóm có tình trạng đặc biệt (người có bệnh nền, người cao tuổi, người khuyết tật)
30.	toàn thân	Điều trị răng hàm mặt toàn diện
31.	Tổ chức và an	Cấp cứu Răng Hàm Mặt (cấp cứu nha khoa và y khoa trong thực hành Răng Hàm Mặt)
32.	toàn hành nghề	Tổ chức hành nghề (quản lý phòng khám; kiểm soát nhiễm khuẩn; quản lý rủi ro và an toàn người bệnh)
33.	Giao tiếp và tính	Giao tiếp (với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp) trong hành nghề Răng Hàm Mặt
34.	chuyên nghiệp	Tính chuyên nghiệp và các giá trị cốt lõi (đạo đức hành nghề Răng Hàm Mặt; văn bản pháp luật; bảo mật y khoa)
35.	Nghiên cứu khoa	Tư duy phản biện
36.	học	Thực hành nha khoa thực chứng

4. Cấu trúc và ma trận đề kiểm tra (Test Blueprint) chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng - Hàm - Mặt:

4.1. Trọng số của 5 đề mục (theo nhóm chuyên ngành):

STT	Các đề mục	Trọng số (tỉ lệ %)	
		Tối thiểu	Tối đa
1.	Nha khoa dự phòng - phát triển	15	25
2.	Nha khoa phục hồi	20	30
3.	Nha khoa bệnh lý - phẫu thuật	15	25
4.	Nha khoa cơ sở - tổng quát tích hợp	20	30
5.	Khoa học xã hội trong y tế	5	15

4.2. Trọng số Lĩnh vực năng lực (Các trọng số có thể thay đổi theo kỳ kiểm tra):

STT	Năng lực		Trọng số (tỉ lệ %)	
			Tối thiểu	Tối đa
1.	Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp	Đạo đức và tính chuyên nghiệp trong hành nghề răng hàm mặt	3	5
2.	Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp	Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp trong hành nghề răng hàm mặt	3	5
3.	Kiến thức	Áp dụng kiến thức Khoa học cơ bản, Y sinh học cơ sở, kiến thức lâm sàng y khoa và răng hàm mặt	25	30
4.	Kỹ năng lâm sàng (Chẩn đoán và xử trí)	Bệnh sử, cận lâm sàng, lâm sàng	35	40
5.		Tiền lượng		
6.		Xử trí phối hợp		
7.		Liệu pháp thuốc		
8.		Can thiệp lâm sàng		
9.	Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe	Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe	15	20
10.	Quản lý thực hành răng hàm mặt	Áp dụng các nguyên tắc quản lý hệ thống, an toàn người bệnh, quản trị thực hành răng hàm mặt	3	5



Handwritten signatures in blue ink.

4.3. Trọng số Mức độ nhận thức theo thang Bloom chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng - Hàm - Mặt:

	Mức độ nhận thức	Đề xuất
1	Nhớ	
2	Hiểu	
3	Áp dụng	100% từ mức Áp dụng đến Đánh giá
4	Phân tích	
5	Đánh giá	
6	Sáng tạo	

Handwritten signature and initials

